

Số: 452 /VTVcab

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN  
của BCTC hợp nhất năm 2021 thay đổi từ  
10% trở lên so với BCTC cùng kỳ năm  
trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Chênh lệch năm 2021 so với năm 2020	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.246.610.280.767	2.240.874.426.708	5.735.854.059	0%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	37.983.288	28.522.727	9.460.561	33%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	2.246.572.297.479	2.240.845.903.981	5.726.393.498	0%
4. Giá vốn hàng bán	1.726.634.843.385	1.612.584.756.236	114.050.087.149	7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	519.937.454.094	628.261.147.745	-108.323.693.651	-17%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.908.208.338	3.026.596.309	-118.387.971	-4%
7. Chi phí tài chính	14.961.674.034	33.686.893.816	-18.725.219.782	-56%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	14.329.618.521	33.000.688.552	-18.671.070.031	-57%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-11.056.800.347	-23.301.876.661	12.245.076.314	-53%
9. Chi phí bán hàng	174.890.574.264	220.649.137.400	-45.758.563.136	-21%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	233.177.520.696	262.990.762.891	-29.813.242.195	-11%
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	88.759.093.091	90.659.073.286	-1.899.980.195	-2%
12. Thu nhập khác	575.383.514	19.092.061.384	-18.516.677.870	-97%
13. Chi phí khác	615.293.615	402.153.253	213.140.362	53%



14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	-39.910.101	18.689.908.131	-18.729.818.232	-100%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	88.719.182.990	109.348.981.417	-20.629.798.427	-19%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.025.472.739	24.475.984.032	-6.450.511.293	-26%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.814.433.779	5.246.255.189	-2.431.821.410	-46%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	67.879.276.472	79.626.742.196	-11.747.465.724	-15%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của VTVcab giảm 15% so với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty. Nguyên nhân: Mặc dù trong năm 2021 tình hình Covid diễn biến rất phức tạp, VTVcab cố gắng nỗ lực duy trì nên tổng doanh thu năm 2021 vẫn tương đương năm 2020. Đồng thời, VTVcab đã tiết kiệm một số khoản chi phí như chi phí tài chính (giảm 56%), chi phí bán hàng (giảm 21%), chi phí quản lý doanh nghiệp (giảm 11%). Tuy nhiên chi phí giá vốn năm 2021 tăng 7% so với kỳ trước dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2021 của VTVcab giảm 15% so với lợi nhuận sau thuế năm 2020.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Hoàng Ngọc Huấn*

